

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 165/2024/TLST-HNGĐ ngày 30/7/2024, giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị Sơn H, sinh năm 1981;

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn C, sinh năm 1978;

Cùng địa chỉ: Hẻm 583 Quốc lộ P9, khu phố I4, Phường U4, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/9/2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/9/2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị Sơn H và ông Lê Văn C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Sơn H và ông Lê Văn C thuận tình ly hôn.

Giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận kết hôn số 104; Quyển số 01/2002 do Ủy ban nhân dân phường Hương Sơ, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 25/9/2002, chấm dứt kể từ ngày ban hành quyết định này (ngày 24/9/2024).

2.2 Về con chung: Giao cho bà Phan Thị Sơn H quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Phan Bảo Q, sinh ngày 11/11/2013.

Ông Lê Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, với mức 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 10/2024 cho đến khi cháu Bảo Q thành niên và có khả năng tự lao động để nuôi sống bản thân.

Riêng cháu Lê Thị Thanh Th, sinh ngày 23/3/2003 và Lê Thị Thanh H, sinh ngày 24/12/2004 đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông Lê Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở ông C thực hiện quyền này.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền phải thi hành án thì hàng tháng còn phải còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phan Thị Sơn H và ông Lê Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Bà Phan Thị Sơn H thuận chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm. Tổng số tiền án phí sơ thẩm bà H phải chịu là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0000442 ngày 29/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. (Bà H đã nộp đủ án phí sơ thẩm).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đông Hà;
- Chi cục THADS TP Đông Hà;
- UBND P. Hương Sơ, TP Huế;
- Phòng KTNV TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tập dán án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hải Yến